

Số: 03 /NQ-HĐTHVTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Chiến lược phát triển Học viện Tài chính
giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2045**

HỘI ĐỒNG TRƯỞNG HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 120/2001/QĐ-TTg ngày 17/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Tài chính; Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1483/QĐ-BTC ngày 30/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 2223/QĐ-BTC ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công nhận Hội đồng trường Học viện Tài chính nhiệm kỳ 2020-2025; Quyết định số 2233/QĐ-BTC ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Học viện Tài chính nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết nghị của Hội nghị BCH Đảng bộ Học viện ngày 24/12/2021;

Căn cứ Công văn số: 55/HVTC-TCCB ngày 19/01/2022 về việc dự thảo Chiến lược phát triển Học viện Tài chính giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐTHVTC ngày 16/02/2022 của HĐT Học viện Tài chính nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại phiên họp thứ 2 ngày 16/02/2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Chiến lược phát triển Học viện Tài chính giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2045”.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng trường, Ban Giám đốc Học viện, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này/.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (để b/c);
- Đảng ủy, Ban GDHV;
- Các thành viên HĐT;
- Các đơn vị thuộc HV;
- Lưu: VT, HĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỞNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đào Tùng

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
GIAI ĐOẠN 2021-2030 VÀ TẦM NHÌN 2045**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HVTC-HĐT ngày 16/02/2022
của Hội đồng trường)*

PHẦN 1. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

1. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XII (2016) khẳng định một lần nữa giáo dục là quốc sách hàng đầu, có vai trò quyết định trong sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước;
2. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XIII (2021): Khẳng định tính kế thừa, sự nhất quán trong quan điểm của Đảng ta coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, thực hiện khát vọng phát triển đất nước trong thời gian tới;
3. Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành TƯ Đảng lần thứ 8, khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
4. Luật Giáo dục năm 2019; Luật Giáo dục Đại học năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13; Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số: 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
5. Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 quy định về tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; việc tổ chức thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ; biện pháp bảo đảm phát triển khoa học và công nghệ; quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ;
6. Quyết định số 69/QĐ - TTg ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012, Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

7. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

8. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

PHẦN 2. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2021 - 2030 VÀ TẦM NHÌN NĂM 2045

1. Sứ mệnh và tầm nhìn, triết lý giáo dục của Học viện Tài chính

1.1. Sứ mệnh: Cung cấp các sản phẩm đào tạo và nghiên cứu khoa học tài chính - kế toán chất lượng cao cho xã hội.

1.2. Tầm nhìn: Đến năm 2030, Học viện Tài chính trở thành 1 trong 5 cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực hàng đầu của Việt Nam theo định hướng kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ về lĩnh vực Kinh tế, Tài chính – Ngân hàng, kế toán- kiểm toán, Quản lý – Quản trị, công nghệ thông tin, luật kinh tế... Đến năm 2045 đưa Học viện Tài chính trở thành một trong 100 cơ sở giáo dục đại học tốt nhất Châu Á, một trong 1000 cơ sở giáo dục đại học tốt nhất thế giới theo chuẩn mực xếp hạng quốc tế.

1.3. Triết lý giáo dục của Học viện Tài chính: Công dân toàn cầu trong thế giới thay đổi.

Công dân toàn cầu trong thế giới thay đổi là những người có thể thích ứng trong môi trường lao động ở mọi quốc gia trên thế giới. Điều này đòi hỏi kết quả quá trình đào tạo phải tạo ra những người lao động có đạo đức nghề nghiệp, am hiểu sâu kiến thức chuyên môn, sử dụng thành thạo ngoại ngữ, thành thực các kỹ năng cần thiết cho công việc, năng động, sáng tạo và có khả năng liên tục hoàn thiện bản thân phù hợp với môi trường luôn thay đổi của xã hội hiện đại. Công dân toàn cầu phải thấm đậm bản sắc dân tộc Việt Nam và phát huy những thế mạnh của bản sắc Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

1.4. Giá trị cốt lõi: Chất lượng - Uy tín - Hiệu quả - Chuyên nghiệp và Hiện đại

1.5. Slogan: Tài – Tâm – Chính

2. Mục tiêu và chiến lược phát triển của Học viện Tài chính

2.1. Mục tiêu

Đến năm 2045, Học viện Tài chính là trở thành đại học tự chủ đạt chuẩn kiểm định quốc tế được phát triển trên nền tảng số, có hệ thống quản trị chuyên nghiệp và hiện đại hoạt động an toàn trên môi trường số góp phần xây dựng nền tài

chính lành mạnh, bảo đảm an toàn an ninh Tài chính quốc gia. Học viện trở thành cái nôi “**thu hút nhân tài, bồi dưỡng nhân tâm, hoàn thiện nhân cách, phát triển nhân lực**” cho các cán bộ quản lý, chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực Kinh tế, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán- Kiểm toán, Quản lý – Quản trị; là sự lựa chọn hàng đầu của những học viên, sinh viên ưu tú có hoài bão trở thành công dân toàn cầu, có khát vọng dân tộc phát triển nền kinh tế, tài chính quốc gia trong thế giới thay đổi.

2.2. Chiến lược phát triển

2.2.1. Chiến lược phát triển về tổ chức quản lý và phát triển đội ngũ

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện theo mô hình: các Trường Đại học, Phân viện, các viện/trung tâm đào tạo, nghiên cứu, các ban chức năng; Các Khoa/ Bộ môn hoặc đơn vị chuyên môn. Bên cạnh những đơn vị này là hệ thống các đơn vị chức năng, các trung tâm dịch vụ, công ty hoạt động kinh doanh theo luật doanh nghiệp.

- Tiếp tục củng cố và kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy hiện nay theo hướng tinh gọn nhưng “Hiệu quả - Chuyên nghiệp” nhằm đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ trong điều kiện tự chủ của Học viện trên nền tảng số;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức nòng cốt trong từng đơn vị chuẩn hóa theo quy định chung, vừa cụ thể, phù hợp với đặc thù của Học viện và mô hình quản trị đại học hiện đại, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực trong dài hạn và bối cảnh thế giới thay đổi.

- Xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo và cán bộ khoa học đầu ngành; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức trong dài hạn (đến năm 2030, tầm nhìn 2045).

- Phân đầu đến năm 2030: Tỷ lệ giảng viên có trình độ Tiến sĩ là 80%; tỷ lệ giảng viên đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư là 5%; Phó Giáo sư là 15 - 20%; tỷ lệ giảng viên và nghiên cứu viên trên tổng số cán bộ, viên chức đạt trên 75% (đến 2045 là 80%); giảng viên bộ môn không chuyên tiếng Anh có thể giảng bằng tiếng Anh là 40%. Đến năm 2045 có 70% giảng viên bộ môn không chuyên tiếng Anh có thể giảng bằng tiếng Anh và ngôn ngữ khác.

2.2.2. Chiến lược phát triển hoạt động đào tạo

- Thực hiện đổi mới toàn diện trong công tác quản lý đào tạo, phương thức đào tạo lấy người học làm trung tâm trên nền tảng số bảo đảm nâng cao “Chất lượng – Uy tín – Hiện đại”. Tăng cường đào tạo bằng tiếng Anh, chuẩn hóa và cung cấp đầy đủ hệ thống học liệu tiên tiến nhất cho người học, thực hiện kiểm định quốc tế các chương trình đào tạo, tăng hàm lượng thực tiễn trong quá trình đào tạo thông qua việc xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên kiêm giảng từ các tổ chức, doanh nghiệp bên ngoài, nâng cao hiệu quả của các bài tập tình huống, các chuyên tham quan, thực tập trong và ngoài nước.

- Mở rộng quy mô đào tạo phù hợp với nâng cao chất lượng đào tạo; cơ cấu hợp lý giữa các hệ đào tạo, trình độ đào tạo để tăng nguồn thu, tăng quy mô đào tạo sản phẩm chất lượng cao, liên kết quốc tế, chính quy. Cơ cấu lại các ngành/chuyên ngành nhằm cung cấp sản phẩm đáp ứng yêu cầu mới của xã hội trong môi trường hội nhập, sự thay đổi mô hình tăng trưởng của đất nước và cuộc cách mạng chuyển đổi số. Tăng cường công nhận văn bằng, tín chỉ, liên thông với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới. Nghiên cứu mở ngành đào tạo mới theo hướng liên ngành trên nền tảng số phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế của đất nước.

- Nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng tăng cường hội nhập và gắn kết với thực tiễn nhằm thu hút những sinh viên trong nước và sinh viên quốc tế. Trước hết tập trung vào trao đổi sinh viên với các trường đại học trong khu vực và các trường đã có quan hệ hợp tác truyền thống. Tiếp tục phát triển số lượng du học sinh Lào, phần đầu thu hút các sinh viên từ các quốc gia khác trong khu vực theo học các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh.

- Chú trọng phát triển các chương trình giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, uy tín nhất cả nước về Tài chính- Ngân hàng, Kế toán – Kiểm toán; các chương trình đào tạo hàng đầu về Kinh tế, Quản lý - Kinh doanh theo định hướng chuyển đổi số, ứng dụng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, tạo nền móng trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu hàng đầu trong lĩnh vực này. Học viện thúc đẩy nhanh chóng việc giảng dạy các nội dung về công nghệ, kỹ thuật trong các ngành Tài chính- Ngân hàng, Kế toán – Kiểm toán, Kinh tế, Quản lý - Kinh doanh.

Đến năm 2030 đạt chuẩn chất lượng trường đại học trong khu vực Đông Nam Á; có ít nhất 2 sản phẩm chiến lược trong đào tạo như chương trình đào tạo, bồi dưỡng...có tầm ảnh hưởng rộng lớn và tác động sâu sắc tới cộng đồng và xã hội. Đến năm 2045 Học viện Tài chính trở thành một trong 100 cơ sở giáo dục đại học tốt nhất Châu Á, một trong 1000 cơ sở giáo dục đại học tốt nhất thế giới theo chuẩn mực xếp hạng quốc tế.

2.2.3. Chiến lược phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Học viện trở thành trung tâm nghiên cứu hàng đầu của Việt Nam về nghiên cứu cơ bản và ứng dụng triển khai chuyển đổi số trong các lĩnh vực Tài chính – ngân hàng; Kế toán- Kiểm toán, Kinh tế, Quản lý - Kinh doanh. Chủ động và thúc đẩy hơn nữa những nghiên cứu phục vụ Đảng, Nhà nước, của ngành về lý luận và thực tiễn thông qua các đề tài, đề án, chương trình mục tiêu, tài liệu tham khảo, chuyên khảo, báo cáo thường niên. Nghiên cứu phục vụ định hướng chiến lược và kế hoạch hoạt động của Học viện Tài chính hàng năm, trung hạn cũng như dài hạn. Tăng cường tham gia phối hợp chủ trì và đồng chủ trì các diễn đàn kinh tế, hội thảo quốc tế, hội thảo quốc gia với Ban Kinh tế TW, các Ủy ban của quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành, địa phương để có ý kiến kịp thời về các vấn đề trọng yếu trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu, thực hiện những đề tài cấp quốc gia, cấp Bộ, cấp tỉnh, các tổ chức, các trường đại nhằm chuyển giao công nghệ, đưa chính sách vào cuộc sống đem lại lợi ích cho phát triển kinh tế xã hội. Gắn kết công nghệ với đào tạo, chuyển giao nghiên cứu khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng theo xu hướng mở. Đẩy mạnh hoạt động trao đổi thông tin khoa học với các đơn vị trong ngành, địa phương. Triển khai áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời bổ sung kiến thức, tài liệu giảng dạy, nâng cao năng lực nghiên cứu của giảng viên và sinh viên; đa dạng hoá các kênh, hình thức nghiên cứu khoa học và xã hội hoá kết quả nghiên cứu.

- Phân đầu tư tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán (bản tiếng Anh) vào hệ thống Scopus, khuyến khích và đầu tư cho các công trình công bố quốc tế trên các tạp chí thuộc danh mục ISI và Scopus, sách tham khảo, chuyên khảo ở các nhà xuất bản uy tín khu vực và quốc tế

- Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích NCKH, tăng cường đầu tư cho nghiên cứu. Đảm bảo các viên chức, người lao động của trường có đủ nguồn lực (tài chính, cơ sở vật chất và thời gian) để thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Đa dạng hóa các nguồn lực cho nghiên cứu khoa học. Nâng cao năng lực và kỹ năng nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ nghiên cứu theo hướng chuyên sâu.

- Xây dựng những nhóm nghiên cứu mạnh với hạt nhân là các chuyên gia nghiên cứu hàng đầu, có khả năng dẫn dắt các xu hướng nghiên cứu mới. Đẩy mạnh hoạt động gắn kết nghiên cứu với đào tạo và thực tiễn.

Đến 2030, nằm trong top 10 cơ sở giáo dục đào tạo khối kinh tế, quản lý có sản phẩm công bố quốc tế nhiều nhất cả nước, có ít nhất 2 sản phẩm khoa học chiến lược để phục vụ và chuyển giao cho cộng đồng, xã hội. Nhận diện và giải quyết các vấn đề thực tiễn về khoa học công nghệ, chuyển giao tri thức của quốc gia và khu vực Đông Nam Á. Năm 2045, Học viện có năng lực tham gia giải quyết các vấn đề khoa học, công nghệ và thực tiễn của quốc gia trong lĩnh vực Kinh tế, Tài chính, Kế toán, Kiểm toán đạt tầm Châu Á và thế giới.

2.2.4. Chiến lược phát triển hoạt động hợp tác quốc tế

- Duy trì, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác với các đối tác truyền thống, hợp tác với các đối tác mới, ưu tiên các đối tác đến từ các nước phát triển. Tổng hợp và khai thác mối quan hệ giữa đội ngũ cán bộ giảng viên với các nhà khoa học quốc tế có uy tín.

- Đẩy mạnh công tác tuyển sinh quốc tế ở tất cả các hệ do Học viện cấp bằng; xây dựng và thực hiện các chương trình liên kết đào tạo quốc tế cả đại học, thạc sĩ, tiến sĩ với các đối tác có trình độ giáo dục đại học tiên tiến. Tăng cường các chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên với các đối tác nước ngoài, tích cực tham gia diễn đàn giáo dục ở các nước phát triển để tìm kiếm cơ hội hợp tác.

- Hội thảo quốc tế đã được tổ chức thường niên nhưng cần mang tính chuyên sâu và có thể đăng Tạp chí quốc tế có uy tín với số Special Issues hay Sách quốc tế do NXB có uy tín. Tăng cường quan hệ với các đối tác nước ngoài, tìm kiếm các dự án về nghiên cứu khoa học phù hợp với Học viện và các đối tác nước ngoài.

- Đến 2030, mở rộng hợp tác quốc tế với ít nhất 10 đối tác trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi giảng viên, sinh viên. Năm 2045, hợp tác quốc tế sâu rộng, có đối tác chiến lược toàn diện trong đào tạo, nghiên cứu khoa học.

2.2.5. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất

- Ưu tiên đầu tư để toàn bộ hệ thống giảng đường, phòng thực hành, các cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học. Ngoài giảng đường, phòng học chuẩn, cần có các phòng đa phương tiện, phát triển hệ thống học trực tuyến (e-learning), hội thảo trực tuyến (video conference). Phát triển thư viện điện tử kết hợp với thư viện truyền thống đạt tiêu chuẩn, hiện đại; hệ thống thư viện được kết nối với các trường Đại học, Trung tâm học liệu và cơ sở nghiên cứu uy tín.

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện đầu tư xây dựng các dự án thành phần tại khu dự án mới của Học viện. Phấn đấu đến năm 2022 - 2023 đưa dự án đầu tư xây dựng 04 tòa giảng đường (A-B-C-D) vào sử dụng.

Đến năm 2030 phấn đấu hoàn thành 80% dự án mở rộng Học viện; cơ sở vật chất, thiết bị của Học viện hiện đại ngang tầm với các trường đại học, học viện top đầu trong cả nước và khu vực Đông Nam Á. Năm 2045, Học viện trở thành một trong 100 cơ sở giáo dục đại học có cơ sở vật chất hiện đại trên nền tảng số tốt nhất Châu Á.

2.2.6. Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính

- Chủ động thực hiện tự chủ, tích cực mở rộng và đa dạng hóa nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ, liên kết đào tạo và khai thác cơ sở vật chất. Chú trọng khai thác các nguồn tài trợ, đặc biệt trong việc đặt tên các nhà tài trợ cho các phòng học, phòng hội thảo, các địa điểm trong toàn trường. Tận dụng các nguồn ngân sách thông qua các nhiệm vụ đấu thầu cạnh tranh. Tự cân đối được nguồn thu chi, với mục tiêu từ năm 2021 đến năm 2025 ngoài tự chủ được nguồn chi thường xuyên, còn tự chủ được 50% nguồn kinh phí bổ sung Dự án mở rộng Học viện và đầu tư tăng cường trang thiết bị đào tạo. Đến năm 2030, Học viện tự chủ được nguồn chi thường xuyên và nguồn chi cho đầu tư.

- Cơ chế quản lý tài chính minh bạch công khai. Đảm bảo việc phân bổ thu chi công khai, công bằng giữa các đơn vị trong toàn Học viện. Chuẩn bị các nguồn lực tài chính để thực hiện chiến lược phát triển Học viện. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính đúng quy định. Phân chia nguồn thu luôn tuân thủ nguyên tắc cân đối giữa đầu tư phát triển lâu dài với đảm bảo mức thu nhập của giảng viên, nhân viên tăng theo xu thế của xã hội.

- Áp dụng các biện pháp quản lý để đảm bảo chi tiêu có hiệu quả và sự bền vững về tài chính của Học viện. Giảm dần cơ cấu kinh phí chi thường xuyên (thông

qua sử dụng hiệu quả cán bộ, tài sản, trang thiết bị), tăng dần kinh phí chi không thường xuyên (chi đầu tư) của Học viện. Phần đầu đến năm 2025, cơ cấu kinh phí chi thường xuyên sẽ chiếm khoảng 70% tổng chi hoạt động và đến năm 2030 cơ cấu kinh phí chi thường xuyên sẽ chiếm 60%. Bên cạnh các nguồn thu của Học viện, cần chủ động tìm kiếm các nguồn lực tài chính khác như đầu tư từ Chính phủ, vốn vay ưu đãi từ các ngân hàng, nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân.

- Xây dựng quy chế tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ hợp lý và thích ứng với tình hình mới vừa công bằng, vừa đảm bảo cân đối hoạt động tài chính của đơn vị, vừa tạo được trách nhiệm và động lực phấn đấu cho các cán bộ, giảng viên trong Học viện. Thực hiện phân phối cho viên chức, người lao động theo kết quả hoạt động, tập trung cải cách tiền lương và các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao thu nhập cho đội ngũ viên chức, người lao động với mức tăng trung bình 5% đến 10%/ năm.

2.2.7. Chiến lược phát triển công tác đảm bảo chất lượng giáo dục

- Đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng và không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các chỉ tiêu đảm bảo chất lượng bên trong phải bám sát quan điểm, chủ trương, chính sách, mục tiêu, hành động, quy trình, thủ tục nhằm hiện thực hóa sứ mệnh, mục tiêu, chiến lược cũng như các chuẩn mực tiêu chuẩn chất lượng khu vực và quốc tế. Xây dựng chương trình công tác khảo thí, ban hành các Quy định chuẩn đầu ra và triển khai chuẩn đầu ra đối với sinh viên tốt nghiệp các hệ đào tạo đại học của Học viện, ban hành các văn bản quản lý quy trình thi, kiểm tra.

- Thực hiện kiểm định và xếp hạng quốc tế: Lựa chọn và tiến hành kiểm định Học viện và các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế. Xây dựng lộ trình để nâng cao vị trí xếp hạng trên một hệ thống xếp hạng quốc tế có uy tín. Tăng cường sự thừa nhận và liên thông với các trường đại học quốc tế. Phần đầu đến năm 2030, 100% các chương trình đào tạo đại học và đào tạo thạc sỹ được thực hiện kiểm định và đánh giá chất lượng; đăng ký kiểm định chất lượng trường đại học và kiểm định chương trình đào tạo bởi các tổ chức kiểm định uy tín trong và ngoài nước. Năm 2045, thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, kiểm định chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn Mạng lưới các trường đại học Châu Á và quốc tế.

2.2.8 Chiến lược truyền thông thương hiệu và bảo đảm giá trị truyền thống

- Đổi mới nội dung, chương trình giáo dục chính trị tư tưởng nhằm đảm bảo đầy đủ, bám sát chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, phù hợp với đối tượng là cán bộ, giảng viên và cho học viên, sinh viên; hướng đến sự chuyên nghiệp, hiện đại vẫn giữ gìn các giá trị truyền thống của Học viện và nuôi dưỡng được khát vọng dân tộc trong việc phát triển nền tài chính quốc gia lành mạnh, bảo đảm an toàn.

- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông nhằm xây dựng hình ảnh về Học viện Tài chính với Slogan: Tài – Tâm – Chính là một sự lựa chọn tốt nhất để học tập,

ngiên cứu, làm việc. Các hoạt động truyền thông phải gắn kết chặt chẽ với các sự kiện, thành tích trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao công nghệ.

- Xây dựng mạng lưới liên kết cựu sinh viên với cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức thực tiễn. Khai thác hiệu quả các giá trị truyền thống và mạng lưới cựu sinh viên của Học viện đem lại. Hợp tác toàn diện với các doanh nghiệp lớn trong hầu hết các mặt hoạt động, từ đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, kiến tập, thực tập tiếp tục mở rộng tới các hoạt động truyền thông, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

- Xây dựng, triển khai quy trình kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả của công tác này một cách thường xuyên, liên tục, chính xác.

2.2.9. Một số phương hướng chiến lược khác

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý sinh viên, quản lý cổ vấn học tập; cải tiến quy trình, thủ tục hành chính đối với sinh viên phù hợp với nền tảng số.

- Xây dựng Học viện trở thành một trong những trung tâm khởi nghiệp trong top 10 trường hàng đầu Việt nam không chỉ cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn đầu tư mà còn cung cấp cơ sở vật chất dưới hình thức các vườn ươm doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp. Tạo dựng môi trường thuận lợi nuôi dưỡng các ý tưởng kinh doanh và các doanh nhân trẻ.

- Từng bước đưa Học viện trở thành Học viện có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế lại và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số trong lĩnh vực Tài chính- Ngân hàng, Kế toán – Kiểm toán, Kinh tế, Quản lý - Kinh doanh...

3. Giải pháp và lộ trình thực hiện

3.1. Nhóm giải pháp “thu hút nhân tài, bồi dưỡng nhân tâm, hoàn thiện nhân cách, phát triển nhân lực”

- **“Thu hút nhân tài”**: đến năm 2030 xây dựng và phát triển đội ngũ viên chức, người lao động có năng lực nghiên cứu và tư vấn hàng đầu. Có chính sách ưu đãi đặc biệt đối với các nhà khoa học có uy tín, các viên chức, người lao động có bằng tiến sĩ tại các nước phát triển, có công bố quốc tế. Cấp kinh phí nghiên cứu hàng năm cho các nhà khoa học đầu ngành. Xây dựng cơ chế tài chính phù hợp, tạo sức thu hút và động lực làm việc sáng tạo của đội ngũ viên chức, người lao động. Tăng cường liên kết, thu hút viên chức, công chức, người lao động từ các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp. Thu hút, tăng cường tỷ trọng giảng viên quốc tế, tăng số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ được đào tạo ở nước ngoài, có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh và có công bố quốc tế. Có những chính sách đột phá trong việc thu hút viên chức, người lao động có trình độ quốc tế đến làm việc tại Học viện.

- **“Bồi dưỡng nhân tâm”** đến năm 2030 Học viện tạo điều kiện tốt nhất cho viên chức, giảng viên, người lao động có cơ hội học tập lý luận chính trị trung cấp,

cao cấp. Tăng cường hoạt động nêu gương thầy tốt, trò giỏi, cán bộ mẫu mực, cựu sinh viên thành đạt để lan tỏa việc tu dưỡng rèn luyện chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp. Khẳng định mạng lưới cựu sinh viên, học viên và các đối tác luôn là một phần gắn bó chặt chẽ của Học viện trong việc quản bá hình ảnh và nêu gương về chuyên môn và đạo đức nghề cho sinh viên. Tiếp tục quá trình xây dựng và thực hiện lộ trình tái cấu trúc một cách khoa học và hợp lý, đảm bảo quá trình này được tiến hành với ý chí và nguyện vọng thống nhất của tập thể sư phạm của Học viện trên tinh thần đoàn kết, chia sẻ trong một thế giới thay đổi. Tập thể sư phạm của Học viện là một khối thống nhất, đồng tâm nhất trí vì sự phát triển; sẵn sàng hợp tác, chia sẻ nguồn lực, hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

- **“Hoàn thiện nhân cách”**: luôn tôn trọng sự trung thực, công bằng, minh bạch trong tất cả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và quản trị đại học; công khai, thực hiện nghiêm túc những cam kết đối với người học, viên chức, người lao động, cộng đồng và xã hội. Chuẩn hóa năng lực các vị trí chức danh theo hướng hội nhập, chuyên nghiệp, làm cơ sở cho công tác tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm. Phần đầu tỷ lệ tiến sĩ của đội ngũ giảng viên đạt 80%. Tăng tính chuyên nghiệp và văn hóa phục vụ của đội ngũ viên chức hành chính. Trách nhiệm của mỗi giảng viên, viên chức, học viên, sinh viên luôn suy nghĩ và hành động với tinh thần trách nhiệm cao, hết mình vì sự nghiệp chung; lợi ích của mỗi cá nhân gắn liền với sự phát triển của Học viện.

- **“Phát triển nhân lực”**: Tăng cường kiến thức thực tiễn của đội ngũ giảng viên. Triển khai thực hiện chế độ 5 năm, giảng viên sẽ được nghỉ giảng 6 tháng hoặc một năm để nghiên cứu và thâm nhập thực tiễn hoặc đi trao đổi nghiên cứu, giảng dạy ở các nước phát triển. Tăng cường khả năng tư vấn của đội ngũ giảng viên thông qua các hoạt động phối kết hợp với các đơn vị thực tiễn. Thúc đẩy và có chính sách hỗ trợ việc trao đổi giảng viên với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới. Định hướng đào tạo, bồi dưỡng và tạo mọi điều kiện cho đội ngũ viên chức, người lao động, cán bộ, giảng viên tiêu biểu của Học viện nhằm cung cấp nhân lực lãnh đạo, quản lý cao cấp cho các cơ quan quản lý nhà nước, quản lý các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu. Khởi động lại các cuộc thi giảng viên dạy giỏi cấp học viện hàng năm, sân khấu hóa văn hóa đọc... để tạo sân chơi cho giảng viên sinh viên thể hiện được bản thân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

3.2. Nhóm giải pháp nâng cao “Chất lượng - Uy tín - Hiệu quả - Chuyên nghiệp và hiện đại”

- **“Chất lượng - Uy tín”**: Học viện tăng cường giám sát, đánh giá mọi mặt hoạt động nhằm đảm bảo sự minh bạch, công khai. Xây dựng các quy trình đảm bảo chất lượng sản phẩm đào tạo từng loại hình, sản phẩm nghiên cứu khoa học và quy trình chuyển giao chuyên nghiệp tạo nên uy tín cho Học viện. Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng trường, Công đoàn và các tổ

chức chính trị xã hội khác. Xây dựng cơ chế đánh giá chất lượng phục vụ của các đơn vị trong trường. Xây dựng cơ chế giám sát, phản biện của xã hội đối với các hoạt động trong Học viện nhằm nâng cao chất lượng và uy tín.

- **“Hiệu quả”**: Học viện sớm hoàn thiện và đưa vào áp dụng đề án vị trí việc làm làm cơ sở cho chính sách trả lương, thưởng và khuyến khích động lực làm việc. Đây là một trong những nền tảng cơ sở cho việc đổi mới cơ chế quản lý và hoạt động quản trị của Học viện. Đề án này cần được thường xuyên đánh giá cho phù hợp với những thay đổi trong môi trường hoạt động của Học viện. Triển khai mạnh mẽ mô hình “4 nhà”: Nhà tuyển dụng, nhà trường, tổ chức hội nghề nghiệp, nhà nước (nhà quản lý) và nhà trường (Học viện) là trung tâm, là cầu nối gắn kết hoạt động. Học viện cần trở thành tiêu điểm gắn kết với xã hội đảm bảo tận dụng các nguồn lực một cách có hiệu quả, nâng cao đóng góp đối với xã hội. Học viện xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch công khai đảm bảo việc phân bổ thu chi công khai, công bằng giữa các đơn vị trong toàn Học viện. Thực hiện phân phối cho viên chức, người lao động theo kết quả hoạt động. Nghiên cứu và triển khai đa dạng hóa nguồn thu, sớm xây dựng và thí điểm cơ chế tự chủ cho một số đơn vị trong Học viện. Hàng năm rà soát, thực hiện cải cách tiền lương và các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao thu nhập cho đội ngũ viên chức, người lao động với mức tăng trung bình 5% đến 10%/ năm.

- **“Chuyên nghiệp và hiện đại”** Học viện sớm chuẩn hoá hệ thống văn bản quản lý và quy trình làm việc trong các lĩnh vực, tổ chức và đơn vị trong toàn trường theo hướng chuyên nghiệp. Xây dựng kênh KPI, từng bước nâng cao tốc độ thực hiện công việc đi đôi với công khai minh bạch. Đảm bảo môi trường học tập và làm việc tại Học viện mang tính chuyên nghiệp và hiện đại trong một môi trường xanh, sạch, xứng đáng học tập và nghiên cứu, đảm bảo cho viên chức, người lao động, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh được tự do sáng tạo, phát triển tư duy; tôn trọng ý kiến phản biện khách quan, có cơ sở khoa học.

3.3 Lộ trình thực hiện dự kiến

- **Giai đoạn 1: 2021 - 2030**. Tập trung triển khai đúng tiến độ những nội dung đã nêu ở phần 2

- **Giai đoạn 2: 2030 - 2045**. Đánh giá tổng kết và điều chỉnh chiến lược phù hợp với bối cảnh của Việt Nam trong thế giới thay đổi.

PHẦN 3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Hội đồng trường đẩy mạnh hoạt động quản trị Nhà trường, ưu tiên tập trung nguồn lực và ban hành các Nghị quyết trực tiếp phục vụ triển khai thực hiện Chiến lược; tăng cường sự giám sát của Hội đồng trường trong việc triển khai thực hiện chiến lược. Tổ chức tuyên truyền phổ biến Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động, sinh viên và các bên liên quan.

- Ban giám đốc Học viện tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết từng năm bám sát các định hướng chiến lược, mục tiêu, giải pháp để hình thành các dự án, đề án, các hoạt động, phân bổ các nguồn lực cần thiết, xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát, chịu trách nhiệm chung về việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phân công và giao nhiệm vụ trực tiếp cho một đơn vị chức năng hoặc Ban quản trị chiến lược chịu trách nhiệm thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai tổ chức thực hiện chiến lược, và định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Giám đốc theo lộ trình nhiệm vụ cụ thể từng kỳ, năm, giữa kỳ và cuối kỳ.

- Các phòng ban chức năng phối hợp với các khoa/viện/trung tâm liên quan chịu trách nhiệm tham mưu, thực hiện xây dựng kế hoạch hành động, xác định rõ các nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ thường xuyên, xây dựng lộ trình chi tiết, huy động nguồn nhân lực, xác định yêu cầu về đầu tư, phân công cụ thể, xây dựng cơ chế điều phối liên đơn vị, bộ phận liên quan đến các lĩnh vực.

Trong quá trình triển khai, nếu có ý kiến điều chỉnh mục tiêu, chiến lược hoặc bổ sung giải pháp với yêu cầu thực tiễn phát triển, Hội đồng trường sẽ xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2022

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

CHỦ TỊCH



Nguyen Dao Tung